

EDUCATION

ĐẶC ĐIỂM CẤU TRÚC THUẬT NGỮ TIẾNG ANH VỀ NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI

I NGUYỄN THỊ HIỀN LÊ

Email: nhtienle@hueuni.edu.vn
Trường ĐHNT, Đại học Huế

I PHAN LÊ CHUNG

Email: plchung@hueuni.edu.vn
Trường ĐHNT, Đại học Huế

I LÊ BÁ CANG

Email: lbcang@hueuni.edu.vn
Trường ĐHNT, Đại học Huế

I PHAN THỊ THANH THẢO

Email: phantthao@hueuni.edu.vn
Trường ĐHNN, Đại học Huế

STRUCTURAL CHARACTERISTICS OF ENGLISH TERMS ABOUT CONTEMPORARY ART

TÓM TẮT

Những năm trở lại đây, sinh viên Mỹ thuật được học tập và thực hành khá nhiều về nghệ thuật đương đại thông qua các học phần lý luận và sáng tác. Nhiều tác phẩm của giảng viên, sinh viên thực hành trong lĩnh vực nghệ thuật đương đại được triển lãm, sưu tầm và đạt giải trong và ngoài nước, góp phần vào công cuộc hội nhập văn hoá với thế giới. Đã có nhiều hội thảo, bài viết nghiên cứu về lĩnh vực này, tuy nhiên về mặt tiếp cận các tư liệu đáng tin cậy, tài liệu sách báo về Nghệ thuật đương đại bằng tiếng Việt còn khá ít, chủ yếu đa số là tiếng Anh. Việc xây dựng dữ liệu thuật ngữ Anh – Việt chính là một trong những phương pháp nâng cao vốn tiếng Anh, thúc đẩy khả năng sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) một cách chính xác và phù hợp với ngữ cảnh, giúp cho người sử dụng có được tự tin và tăng cường khả năng giao tiếp, học hỏi, truyền đạt, nghiên cứu.

Bài viết này trình bày các đặc điểm thuật ngữ cơ bản Anh - Việt về Nghệ thuật đương đại, cung cấp những kiến thức cần thiết có giá trị, xây dựng dữ liệu thuật ngữ Nghệ thuật đương đại, góp phần tạo nên hiệu quả trong công tác nghiên cứu, đào tạo ngành Mỹ thuật, nâng cao kỹ năng vận dụng tiếng Anh qua kết quả nghiên cứu.

Từ khóa: Thuật ngữ, Tiếng Anh, Nghệ thuật đương đại

ABSTRACT

In recent years, Fine Arts students have been able to study and practice contemporary art through theory and composition courses, with many works by lecturers and students practicing in the field of contemporary art. It has been widely exhibited, collected and won awards both domestically and internationally, contributing to cultural integration with the world. There have been many conferences and research articles in this field, however in terms of access to reliable documents, books and newspapers about Contemporary Art in Vietnamese are still quite few, most of them are in Vietnamese. Older brother. Building English - Vietnamese terminology data is one of the methods to improve English capital, promote the ability to use foreign languages (English) accurately and in accordance with context, helping users gain confidence and enhance the ability to communicate, learn, impart, and research.

This article presents the characteristics of basic English-Vietnamese terminology about Contemporary Art, provides valuable necessary knowledge, builds a database of Contemporary Art terminology, and contributes to efficiency in the field of Contemporary Art. Research and training in Fine Arts, improving English application skills through research results.

Keywords: Terms, English, Contemporary art

EDUCATION

1. Dẫn nhập

Nghệ thuật đương đại nửa thế kỷ 20 đến thế kỷ 21 có sự đa dạng trong phương thức sử dụng vật liệu, phương pháp, khái niệm và chủ đề đồng thời sức ảnh hưởng rộng lớn; Đây được xem là một phần của cuộc đối thoại văn hóa liên quan đến các khuôn khổ bối cảnh lớn hơn như bản sắc cá nhân và văn hóa, gia đình, cộng đồng và quốc tịch. Đồng thời với sự phát triển đó là việc xuất hiện những từ ngữ biểu thị những khái niệm, đối tượng trong lĩnh vực nghệ thuật đương đại, hình thành hệ thống thuật ngữ nghệ thuật đương đại.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là động lực thúc đẩy thế hệ công dân hiện tại và tương lai cần phải được trang bị những năng lực, kỹ năng mới để có thể thành công trong môi trường cạnh tranh toàn cầu. Việt Nam và thế giới luôn hướng đến hội nhập quốc tế. Đây cũng là mục tiêu, là quyết sách và là nhu cầu bức thiết của xã hội hiện nay. Quyết định về việc phê duyệt chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định: “Hội nhập về văn hóa, xã hội giúp bổ sung những giá trị và tiên bộ của văn hóa, văn minh thế giới, làm giàu văn hóa dân tộc và thúc đẩy tiên bộ xã hội;...đóng vai trò quan trọng giúp phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao và góp phần xây dựng nền khoa học, hệ thống giáo dục, y tế quốc gia ngày càng tiên tiến, hiện đại, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với khu vực và thế giới trong các ngành, lĩnh vực này” [1].

Chính vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng tư liệu thuật ngữ tiếng Anh về nghệ thuật đương đại là điều cần thiết để đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế và phát triển ngành mỹ thuật cũng như các ngành liên quan đến Mỹ thuật trong giai đoạn hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

“Thuật ngữ” được xem là một ngành khoa học, khoa học thuật ngữ là một nhánh của ngôn ngữ học nghiên cứu về các từ vựng đặc biệt được phân chia theo từng ngành khoa học khác nhau và có sự liên quan, kết nối với nhau trong từng ngôn ngữ của mỗi quốc gia/ nhóm quốc gia khác nhau. Đối tượng chính của khoa học thuật ngữ không phải là từng thuật ngữ riêng biệt mà hệ thống toàn bộ thuật ngữ thuộc lĩnh vực tri thức cụ thể. Các thuật ngữ được đề cập có tên của khái niệm đơn lẻ (nomen) hoặc được dùng phổ biến, thuật ngữ biệt ngữ (terminoids) với những đơn vị từ vựng đặc biệt được sử dụng để gọi tên các hiện tượng hoàn toàn mới và các khái niệm của chúng không được giải thích theo cách đơn nghĩa, những thuật ngữ thời trước (prototerms) và những thuật ngữ được đặt tên cho quan niệm khoa học mới

(preterms) [2]. Sự phát triển của thuật ngữ với các chi nghiên cứu như khoa học thuật ngữ điển hình học, khoa học thuật ngữ so sánh, thuật ngữ học, khoa học thuật ngữ chức năng, khoa học thuật ngữ nhận thức, khoa học thuật ngữ lịch sử cũng như việc nghiên cứu các thuật ngữ thuộc các ngành khoa học khác nhau đã tạo nên vị thế quan trọng và tính độc lập của một ngành khoa học.

Thuật ngữ không chỉ là những từ ngắn gọn, cũng như các thuật ngữ của các chuyên ngành khác, thuật ngữ tiếng Anh về Nghệ thuật đương đại mang tính đa dạng trong mỗi thuật ngữ. Silvia Pavel (2001) đưa ra phân loại thuật ngữ bao gồm năm nhóm: thuật ngữ đơn giản (simple terms), thuật ngữ phức hợp (complex terms), chữ viết tắt (abbreviations), từ viết tắt (acronyms) và ký tự tắt (initialisms) [3]. Gaivenis, K., một nhà thuật ngữ học người Ba Lan, phân biệt các loại thuật ngữ thành thuật ngữ đơn giản và thuật ngữ phức hợp. Các thuật ngữ đơn giản chỉ bao gồm 1 từ, các thuật ngữ phức hợp được chia thành hai nhóm: thuật ngữ bao gồm hai từ và thuật ngữ bao gồm ba từ và nhiều từ hơn [4]. D.S. Lotte đã đưa ra khái niệm về yếu tố thuật ngữ, là đơn vị cấu trúc nhỏ nhất cấu tạo nên thuật ngữ [5], như trong từ Nghệ thuật Sắp đặt sẽ có hai yếu tố thuật ngữ là Nghệ thuật và Sắp đặt.

3. Kết quả nghiên cứu

Tính về mặt số lượng, hơn 1000 thuật ngữ tiếng Anh thuộc về Nghệ thuật đương đại đã được nhóm nghiên cứu sưu tầm và chú giải,

Theo cách chia hình thức của Silvia Pavel, thuật ngữ tiếng Anh về Nghệ thuật đương đại được thống kê như sau:

Bảng 1. Thuật ngữ về nghệ thuật đương đại tiếng Anh xét về cấu tạo theo Silvia Pavel

Thuật ngữ	Số lượng	Tỷ lệ
Thuật ngữ chỉ có 1 từ	229	22,29%
Thuật ngữ có 2 từ trở lên	776	75,56%
Thuật ngữ là ký tự viết tắt	0	0%
Thuật ngữ là cụm từ viết tắt	13	1,26%
Thuật ngữ là ký tự tắt	9	0,87%

Kết quả thống kê cho thấy số lượng thuật ngữ tiếng Anh về nghệ thuật đương đại chỉ 1 từ là 229 thuật ngữ, chiếm 22,29%, ví dụ như: Digimodernism (chủ nghĩa số hóa), Thuật ngữ phức hợp từ 2 từ trở lên có 776 từ, chiếm 75,56%, ví dụ Algorithmic art (nghệ thuật thuật toán), có ba từ như Permanent public artworks (tác phẩm nghệ thuật công cộng bền vững). Theo cách phân loại khác dựa trên phương pháp của Gaivenis, K. thuật ngữ tiếng Anh về Nghệ thuật đương đại được phân chia:

Bảng 2. Thuật ngữ tiếng Anh về nghệ thuật đương đại xét về cấu tạo theo Gaivenis, K.

EDUCATION

Thuật ngữ	Số lượng	Tỷ lệ
Thuật ngữ chỉ có 1 từ	251	24,44%
Thuật ngữ có 2 từ	526	51,21%
Thuật ngữ từ 3 từ trở lên	250	24,35%

Kết quả thống kê cho thấy số lượng thuật ngữ tiếng Anh về nghệ thuật đương đại chỉ 1 từ có tỷ lệ trong đương với số lượng thuật ngữ tiếng Anh về nghệ thuật đương đại từ 3 từ trở lên là 24,44% và 24,35%. Trong ba loại, thuật ngữ có 2 từ chiếm đa số với 51,21%. Đi sâu vào cấu tạo của các thuật ngữ phức hợp, ta có thuật ngữ tiếng Anh về nghệ thuật đương đại bao gồm 2 từ có 526 thuật ngữ, chiếm 51,21%, thuật ngữ có 3 từ là 149 thuật ngữ, chiếm 7,38%, thuật ngữ có 4 từ là 64 thuật ngữ, chiếm và 37 thuật ngữ có 5 từ trở lên, chiếm 0,48%.

Từ tiếng Anh là thuật ngữ đơn giản

Thuật ngữ tiếng Anh đơn giản là từ đơn

Từ đơn - word: theo từ điển Oxford, là một yếu tố có ý nghĩa riêng biệt của lời nói hoặc chữ viết, được sử dụng với những từ khác (hoặc đôi khi một mình) để tạo thành một câu và thường được hiển thị với khoảng trắng ở hai bên khi viết hoặc in. Theo Plag I, Từ đơn là từ chỉ có một căn tố, các từ đơn có thể là động từ, danh từ, tính từ, và các hình vị độc lập [6].

Theo thống kê của chúng tôi, trong hơn 1000 thuật ngữ được sưu tầm có 68 thuật ngữ có cấu tạo là một thành tố, chiếm 6,62%, ví dụ Energism: Chủ nghĩa năng lượng,...

Thuật ngữ tiếng Anh đơn giản là từ phái sinh

Từ phái sinh – derivative, theo từ điển Cambridge, là từ được phát triển từ các từ khác [7], như vậy mỗi từ phái sinh sẽ có ít nhất hai ngữ tố trở lên, ví dụ như linocut (in lino) = lino + cut, intermedia = inter + media, ... Thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh có 3 ngữ tố rất ít, ví dụ như macrophotography (nhếp ảnh cực cận cảnh) = macro + photo + graphy, ...

Thuật ngữ tiếng Anh là thuật ngữ phức hợp

Thuật ngữ phức hợp có hai từ trở lên, số lượng được liệt kê như sau:

Bảng 3. Thuật ngữ về nghệ thuật đương đại tiếng Anh là thuật ngữ phức hợp

Thuật ngữ có 2 từ	526	51,21%
Thuật ngữ từ 3 từ trở lên	250	24,35%

Trong đó thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép với hai thành tố là 526 từ, chiếm tỉ lệ khá lớn với 51,21%, ví dụ Bio art (Nghệ thuật sinh học) = bio + art, Cynical Realism (chủ nghĩa hiện thực hoài nghi) = Cynical + Realism. Thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép với ba thành tố trở lên là 250 từ, chiếm tỉ lệ 24,35%, ví dụ có 3 thành tố như Manage audience experience (Quản lý trải nghiệm của khán giả) = manage + audience + experience, có

bốn thành tố: Light art performance photography (Nhếp ảnh Trình diễn Nghệ thuật Ánh sáng) = light + art + performance + photography, ...

Kết luận

Sự phát triển của văn hóa xã hội tạo nên nhu cầu ngày càng cao về xây dựng thuật ngữ chuyên ngành, trong đó có thuật ngữ Anh – Việt về nghệ thuật đương đại nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân, của xã hội và phù hợp với mục đích giảng dạy học tập, nghiên cứu, dịch thuật, trao đổi văn hóa trong ngành Mỹ thuật hiện nay. Bài viết đã phân tích đặc điểm cấu tạo thuật ngữ tiếng Anh về Nghệ thuật đương đại thông qua các hình thức của thuật ngữ. Trong bài viết này, việc nghiên cứu về cấu tạo thuật ngữ tiếng Anh về Nghệ thuật đương đại là một nghiên cứu là một tiền đề nhằm phục vụ quá trình xây dựng thuật ngữ Anh – Việt về Nghệ thuật đương đại. Trong thời kỳ hội nhập hiện nay, đây là sự cấp thiết nhằm chuẩn hoá, cập nhật kiến thức mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực thiết kế, giảng viên, sinh viên chất lượng cao, trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu học hỏi kiến thức chuyên ngành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quyết định số 40/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:** Về việc phê duyệt Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- M. I. Sadovska (2015),** Peculiarities of term subclasses, Sunday 5/2015. ISSN 2307-1591
- Silvia Pavel, Diane Nolet. (2001),** Handbook of Terminology, Minister of Public Works and Government Services Canada
- Gaivenis, K. (1979),** General principles of creation and standardization of Lithuanian terminology, Proceedings of the Academy of Sciences of the Lithuanian SSR. Series A 68 (3), 77–86
- Lotte, D.S. (1975),** Nguyên lý xây dựng hệ thuật ngữ khoa học kỹ thuật, NXB Viện Hàn Lâm Khoa học Liên Xô, Hoàng Lộc dịch.
- Ingo Plag (2018),** Word-Formation in English (2nd Edition). Cambridge Textbooks in Linguistics.
- Cambridge dictionary, Derivative,** <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/derivative>. Truy cập ngày 20/04/2023